

CÔNG BỐ

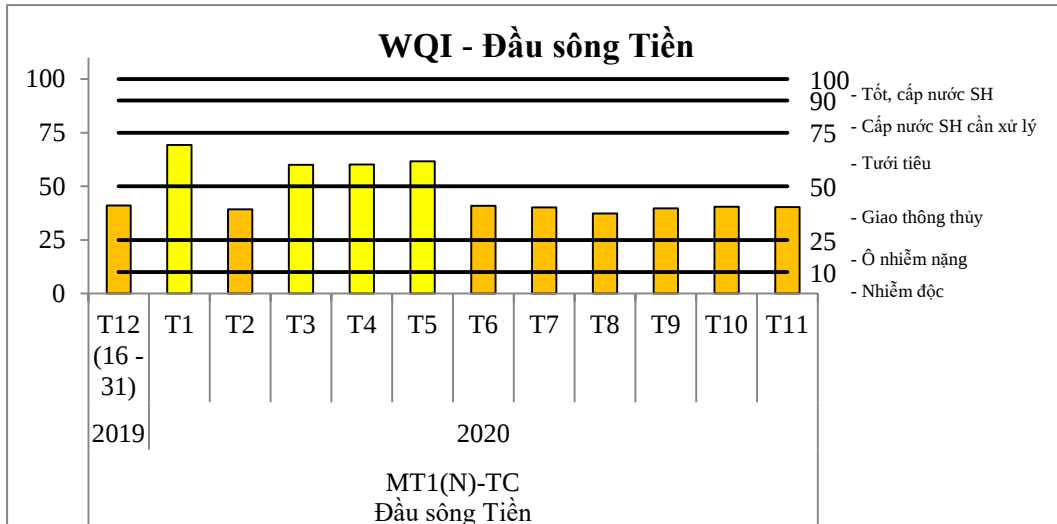
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG NĂM 2020

A. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC

I. Chất lượng môi trường nước nền

1.1. Chất lượng nước sông Tiền

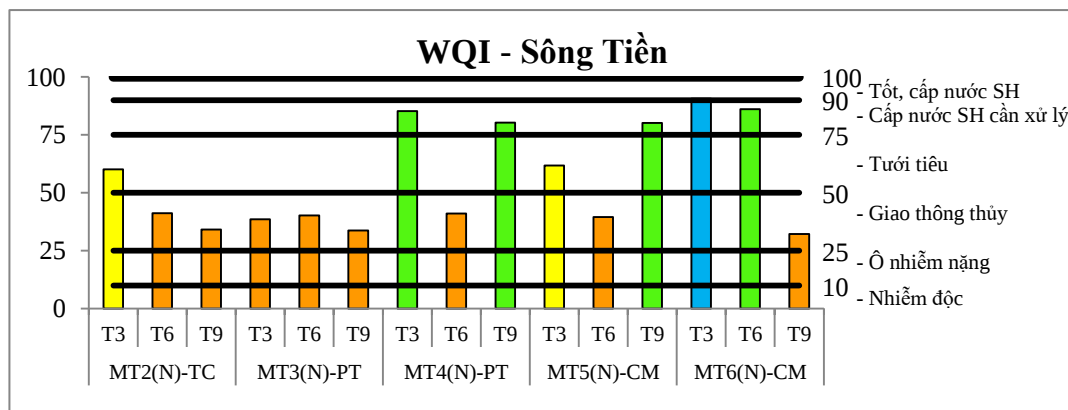
1.1.1. Quan trắc liên tục



Biểu đồ 1: Diễn biến WQI đầu sông Tiền 2020

Chất lượng nước tại đầu sông Tiền đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, chất lượng nước ở mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2019 (từ ngày 16 - 31), tháng 02 và từ tháng 6 đến tháng 11, các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

1.1.2. Quan trắc định kỳ



Biểu đồ 2: Diễn biến WQI sông Tiền 2020

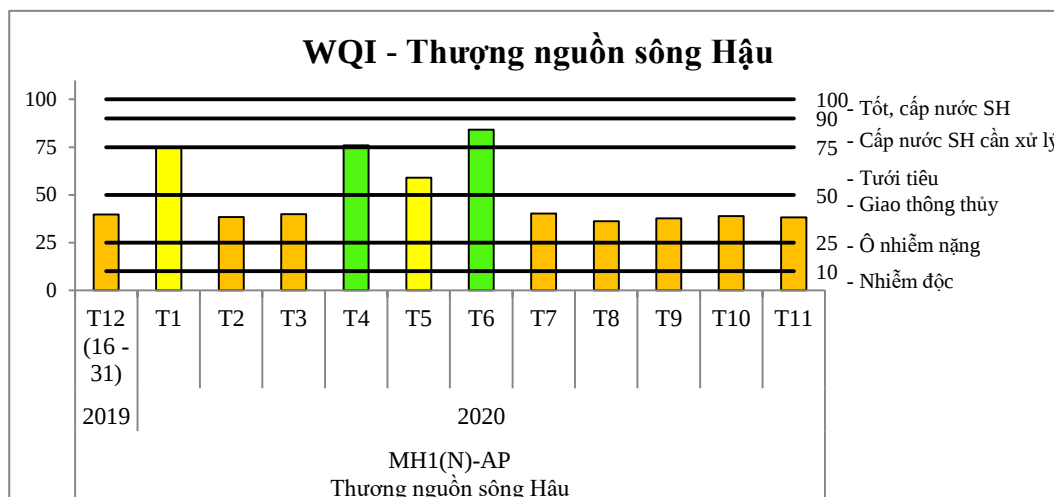
Chất lượng nước sông Tiền theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, tại vị trí đầu sông Cái Vừng và sông Tiền-MT2(N)-TC giảm từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và tháng 9; tại vị trí cuối

sông Cái Vừng và sông Tiên-MT3(N)-PT đồng ở mức sử dụng cho giao thông thủy cả 3 đợt quan trắc; tại vị trí cuối cù lao Giêng-MT6(N)-CM giảm từ mức sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt vào tháng 3 xuống mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 6 và xuống mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9; các vị trí còn lại đều có chất lượng nước biến động và cải thiện tốt nhất vào tháng 9.

1.2. Chất lượng nước sông Hậu

1.2.1. Quan trắc liên tục

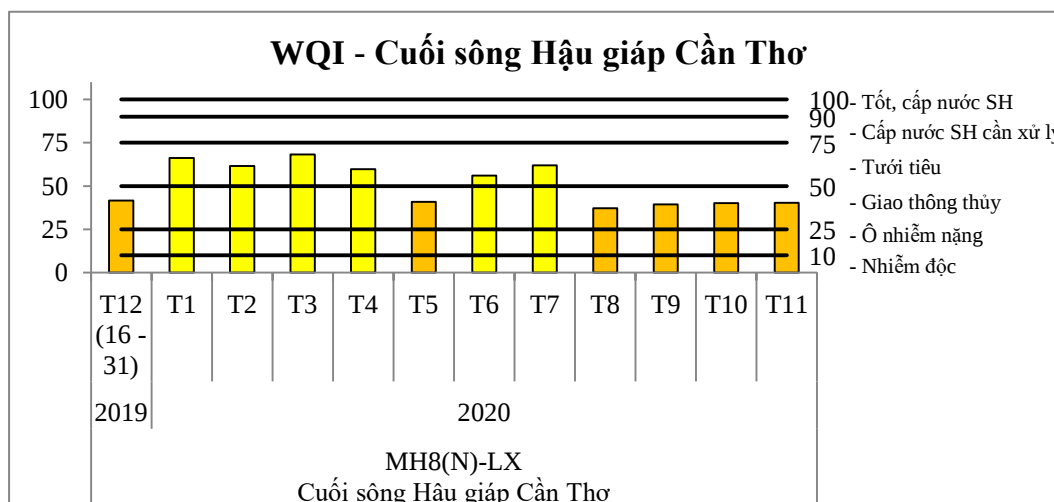
1.2.1.1. Vị trí đầu sông Hậu huyện An Phú - MH1(N)-AP



Biểu đồ 3: Diễn biến WQI đầu sông Hậu 2020

Chất lượng nước tại đầu sông Hậu đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, chất lượng nước ở mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2019 (từ ngày 16 - 31), từ tháng 02 đến tháng 3 và từ tháng 7 đến tháng 11; ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 01 và tháng 5; các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp.

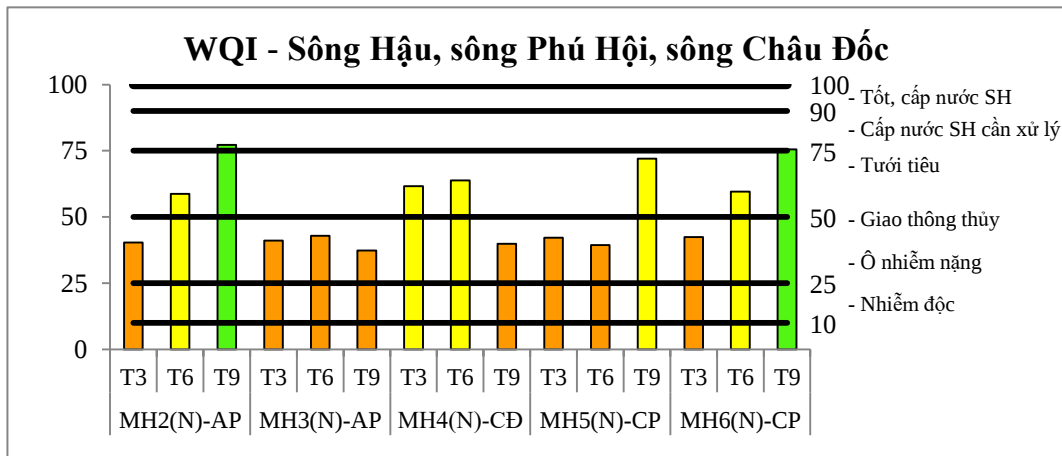
1.2.1.2. Vị trí cuối sông Hậu giáp Cần Thơ - MH8(N)-LX



Biểu đồ 4: Diễn biến WQI cuối sông Hậu giáp Cần Thơ 2020

Chất lượng nước tại cuối sông Hậu giáp Cần Thơ đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Trong đó, chất lượng nước ở mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2019 (từ ngày 16 - 31), tháng 5 và từ tháng 8 đến tháng 11; các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

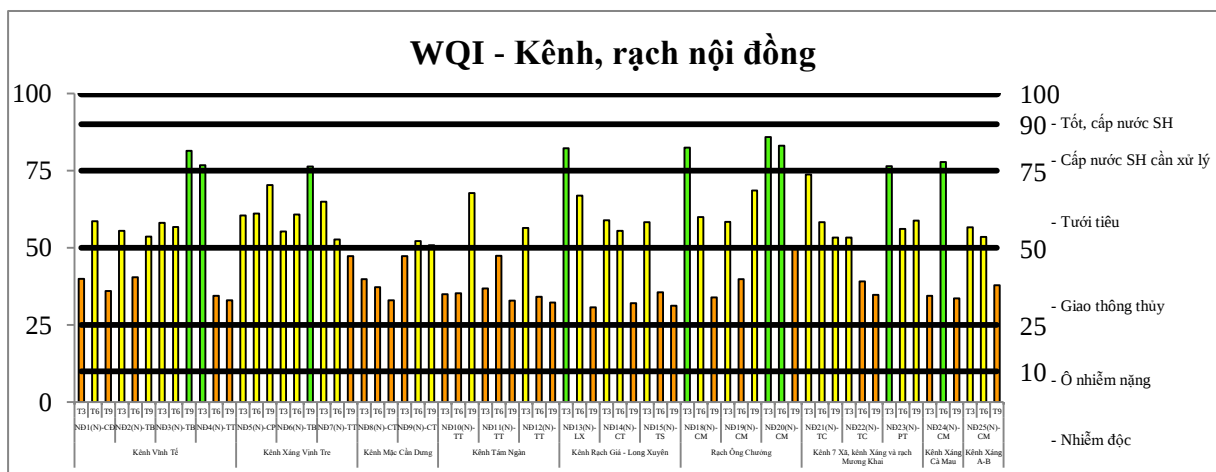
1.2.2. Quan trắc định kỳ



Biểu đồ 5: Diễn biến WQI s.Hậu, s.Phú Hội, s.Châu Đốc 2020

Chất lượng nước sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, chất lượng nước diễn biến xấu nhất tại vị trí sông Châu Đốc-MH3(N)-AP đồng ở mức sử dụng cho giao thông thủy cả 3 đợt quan trắc, diễn biến tốt nhất tại vị trí thượng nguồn sông Phú Hội-MH2(N)-AP và vị trí ngã ba sông Vàm Nao-MH6(N)-CP, cải thiện từ mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3 lên mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và tiếp tục cải thiện lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 9.

1.3. Chất lượng nước kênh, rạch nội đồng

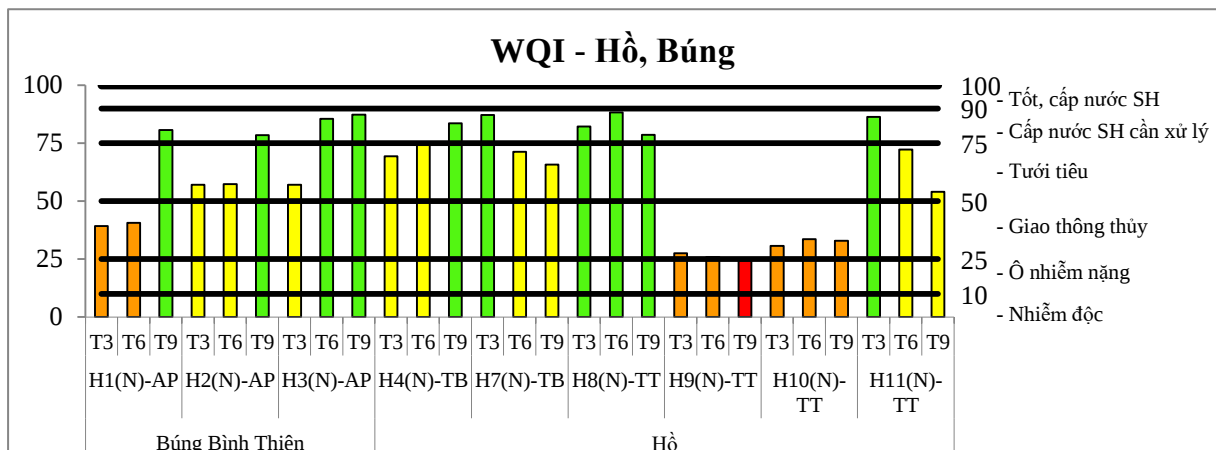


Biểu đồ 6: Diễn biến WQI kênh, rạch nội đồng 2020

Chất lượng nước tại các tuyến kênh, rạch nội đồng theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh

hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, chất lượng nước tốt nhất tại vị trí cầu sắt Hữu Nghị-NĐ3(N)-TB và tại nơi tiếp giáp giữa kênh Tha La với kênh Xáng Vịnh Tre-NĐ6(N)-TB (cải thiện từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 và tháng 6 lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 9), xấu nhất tại vị trí đầu kênh Mặc Cần Dung tiếp giáp kênh Bốn Tông-NĐ8(N)-CT và kênh Tám Ngàn giáp kênh T5-NĐ11(N)-TT (đồng ở mức sử dụng cho giao thông thủy ở cả 3 đợt quan trắc).

1.4. Chất lượng nước hồ, búng



Biểu đồ 7: Diễn biến WQI hồ, búng 2020

Chất lượng nước tại khu vực hồ, búng theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, cụ thể như sau:

- **Khu vực Búng Bình Thiên - huyện An Phú:** Chất lượng nước cải thiện từ mức sử dụng cho giao thông thủy (tháng 3 và tháng 6) lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 9) tại đầu Búng Bình Thiên-H1(N)-AP; cải thiện từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu (tháng 3 và tháng 6) lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 9) tại giữa Búng Bình Thiên-H2(N)-AP; cải thiện từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu (tháng 3) lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 6 và tháng 9) tại cuối Búng Bình Thiên-H3(N)-AP.

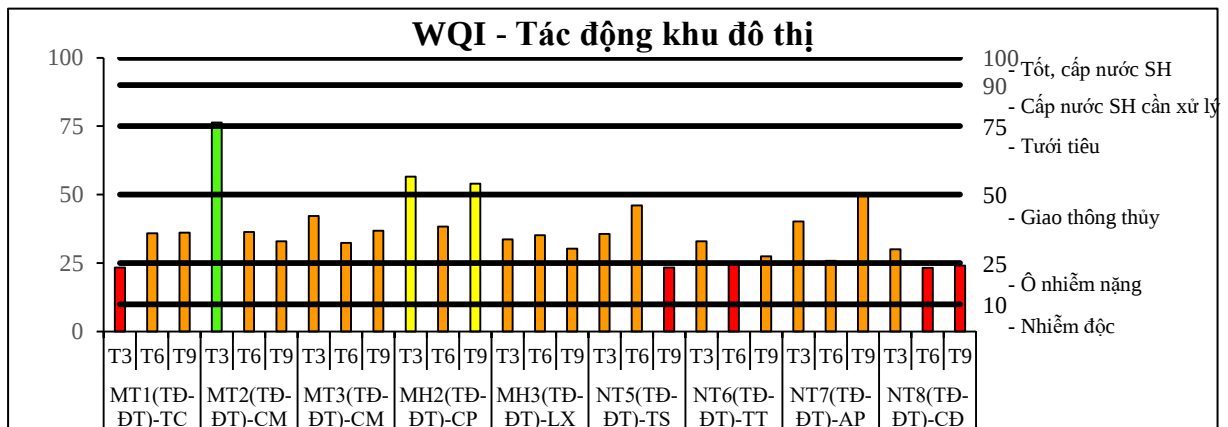
- **Khu vực các hồ:** Chất lượng nước cải thiện từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu (tháng 3 và tháng 6) lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 9) tại vị trí gần bờ hồ Ô Tuk Sa-H4(N)-TB; đồng ở mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp tại hồ Soài So-H8(N)TT và đồng ở mức sử dụng cho giao thông thủy tại hồ Ô Thum-H10(N)-TT; Giảm từ mức sử dụng cho giao thông thủy (tháng 3 và tháng 6) xuống mức ô nhiễm nặng (tháng 9) tại vị trí hồ Soài Chêk-H9(N)-TT; Giảm từ mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 3) xuống mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu (tháng 6 và tháng 9) tại các vị trí còn lại.

1.5. Chất lượng môi trường nước giếng

Chất lượng nước giếng đang bị ô nhiễm về hàm lượng độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Mn và Coliform; thích hợp sử dụng cho tưới tiêu, chăn nuôi hoặc các mục đích công nghiệp khác. Do đó, trong quá trình sử dụng khuyến cáo người dân áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với nhu cầu sử dụng nhằm đảm bảo sức khỏe.

II. Chất lượng môi trường nước bị tác động

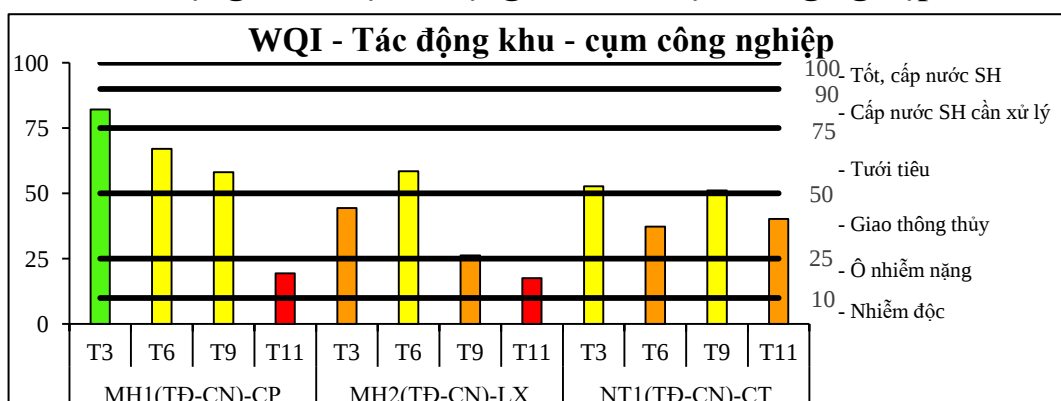
2.1. Chất lượng nước bị tác động từ khu đô thị



Biểu đồ 8: Diễn biến WQI khu đô thị 2020

Chất lượng nước bị tác động từ các khu đô thị theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần áp dụng biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, chất lượng nước tốt nhất tại thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới-MT2(TĐ-ĐT)-CM vào tháng 3 ở mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp; thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú-MH2(TĐ-ĐT)-CP vào tháng 3 và tháng 9 có chất lượng nước ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu; khu đô thị Tân Châu, thị xã Tân Châu-MT1(TĐ-ĐT)-TC vào tháng 3; thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn-NT5(TĐ-ĐT)-TS vào tháng 9; thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn-NT6(TĐ-ĐT)-TT vào tháng 6 và trạm xử lý nước thải thành phố Châu Đốc-NT8(TĐ-ĐT)-CĐ vào tháng 6 và tháng 9 có chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng, các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức sử dụng cho giao thông thủy.

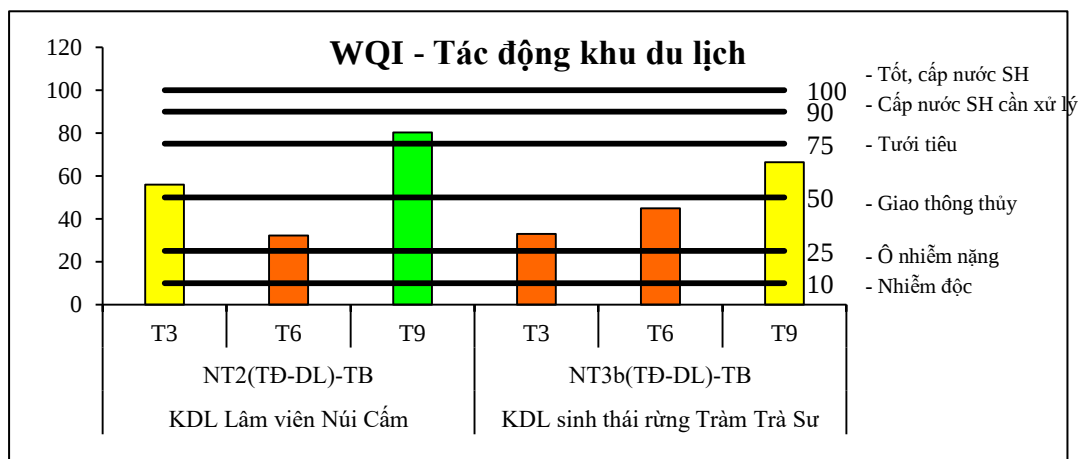
2.2. Chất lượng nước bị tác động từ khu - cụm công nghiệp



Biểu đồ 9: Diễn biến WQI khu - cụm công nghiệp 2020

Chất lượng nước bị tác động từ các khu - cụm công nghiệp theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, chất lượng nước khu công nghiệp Bình Long-MH1(TĐ-CN)-CP và cụm công nghiệp Mỹ Quý-MH2(TĐ-CN)-LX có xu hướng giảm dần qua từng đợt quan trắc trong năm và cần lưu ý nhất vào tháng 11 chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng.

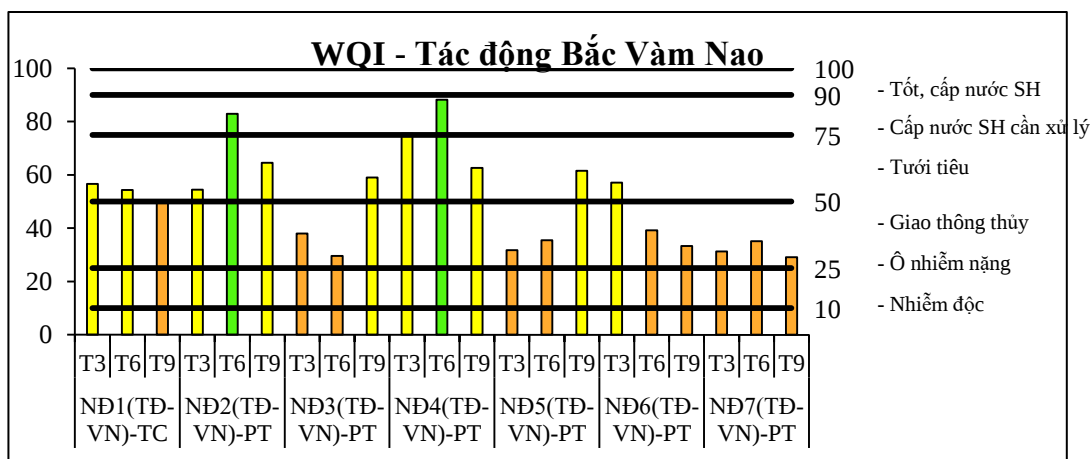
2.3. Chất lượng nước bị tác động từ khu du lịch



Biểu đồ 10: Diễn biến WQI khu du lịch 2020

Chất lượng nước bị tác động từ các khu du lịch theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Tại khu du lịch Lâm Viên núi Cẩm-NT2(TĐ-DL)-TB, chất lượng nước giảm từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu (tháng 3) xuống mức sử dụng cho giao thông thủy (tháng 6) sau đó cải thiện lên mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (tháng 9). Tại khu du lịch sinh thái rừng Tràm Trà Sư-NT3b(TĐ-DL)-TB, chất lượng nước có sự cải thiện từ mức sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3 và tháng 6 lên mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 9.

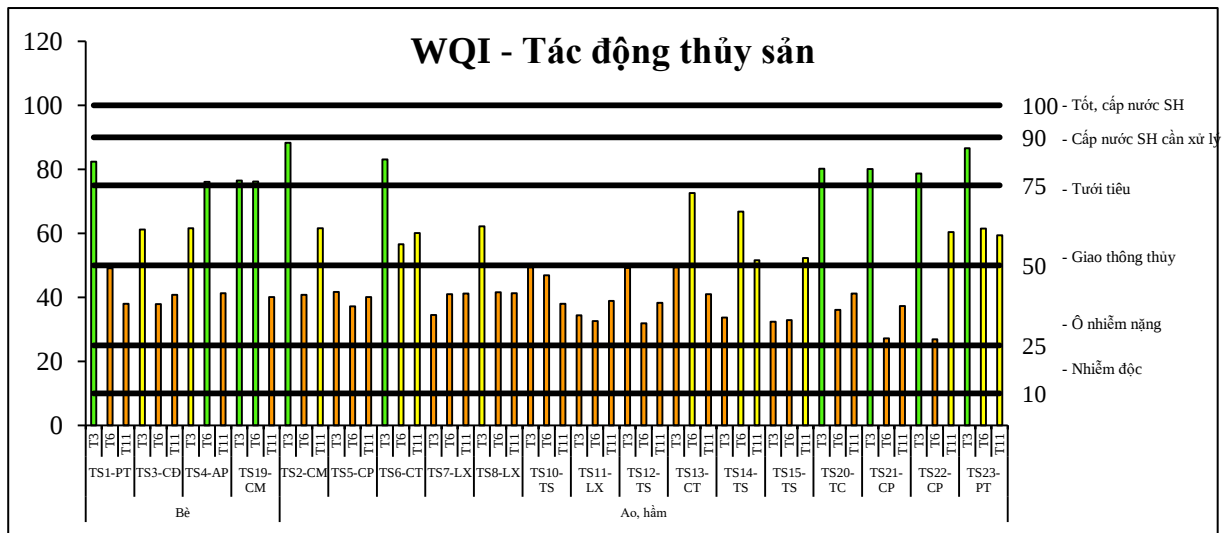
2.4. Chất lượng nước bị tác động từ khu vực kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao



Biểu đồ 11: Diễn biến WQI khu vực Bắc Vàm Nao 2020

Chất lượng nước bị tác động từ khu vực Bắc Vàm Nao theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, tại khu vực đầu kênh Phú Bình – Hiệp Xương tiếp giáp với sông Hậu-NĐ2(TĐ-VN)-PT và đầu kênh K26, tiếp giáp với sông Tiền-NĐ4(TĐ-VN)-PT có chất lượng nước tốt hơn các khu vực còn lại, dao động từ mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp. Đa phần các vị trí còn lại chất lượng nước dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Riêng vị trí rạch Cái Tắc-NĐ7(TĐ-VN)-PT có chất lượng nước kém hơn, chỉ thích hợp sử dụng cho giao thông thủy.

2.5. Chất lượng nước bị tác động từ khu nuôi trồng thủy sản



Biểu đồ 12: Diễn biến WQI khu vực nuôi trồng thủy sản 2020

Chất lượng nước bị tác động từ các khu nuôi trồng thủy sản theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức sử dụng cho giao thông thủy. Chất lượng nước tốt nhất tại các vị trí: làng bè Long Hòa-TS1(TĐ)-PT (tháng 3), làng bè Đa Phước-TS4(TĐ)-AP (tháng 6), khu nuôi bè Mỹ An-TS19(TĐ)-CM (tháng 3, tháng 6), khu vực nuôi ao Kiến An-TS2(TĐ)-CM (tháng 3), khu nuôi ao Bình Thạnh- TS6(TĐ)-CT (tháng 3), khu nuôi ao Vĩnh Hòa-TS20(TĐ)-TC (tháng 3), khu nuôi ao Mỹ Phú-TS21(TĐ)-CP (tháng 3), khu nuôi ao Bình Phú-TS22(TĐ)-CP (tháng 3) và khu nuôi ao Phú Bình-TS23(TĐ)-PT (tháng 3).

- **Loại hình nuôi bè:** Chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần tại các làng bè vào thời điểm đầu năm (tháng 3) chất lượng nước tốt hơn so với thời điểm 02 đợt cuối năm (tháng 6, tháng 11).

- **Loại hình nuôi ao, hầm:** Chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức sử dụng cho giao thông thủy đến mức sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp. Trong đó, khu vực nuôi ao Kiến An-TS2(TĐ)-CM, khu vực Bình Thạnh-TS6(TĐ)-CT, khu nuôi ao Vĩnh Hòa-

TS20(TĐ)-TC, khu nuôi ao Mỹ Phú-TS21(TĐ)-CP, khu nuôi ao Bình Phú-TS22(TĐ)-CP và khu nuôi ao Phú Bình-TS23(TĐ)-PT có chất lượng nước tốt hơn so với các khu vực còn lại.

B. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

I. Chất lượng môi trường không khí nền

Chất lượng môi trường không khí nền đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn tại khu vực nông thôn huyện Châu Thành-K3(N-NT)-CT có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép nhưng nhìn chung chất lượng không khí nền tốt, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại địa phương.

II. Chất lượng môi trường không khí bị tác động

2.1. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu đô thị

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu đô thị đảm bảo tốt theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực vòng xoay trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và siêu thị điện máy Nguyễn Kim-K3(TĐ-ĐT)-LX và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực vòng xoay đèn 4 ngọn, thành phố Long Xuyên-K1(TĐ-ĐT)-LX.

2.2. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ giao thông

Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ giao thông đảm bảo tốt theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực đường Ung Văn Khiêm nối đường Lý Thái Tổ-K5(TĐ-GT)-LX.

2.3. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ du lịch

Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu du lịch đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn tại khu du lịch núi Sam-K1(TĐ-DL)-CĐ và khu du lịch Bình Phước Xuân-K4(TĐ-DL)-CM có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép. Nhìn chung, chất lượng không khí bị tác động từ các khu du lịch tốt, không ảnh hưởng đến sức khỏe của khách du lịch và người dân tại địa phương.

2.4. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực khai thác đá Cô Tô-K9(TĐ-CN)-TT và khu vực lò gạch Nhơn Mỹ-K6(TĐ-CN)-CM, thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực khai thác đá Cô Tô-K9(TĐ-CN)-TT và thông số NH_3 có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép tại khu công nghiệp Bình Hòa-K2(TĐ-CN)-CT.

2.5. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ bãi rác

Chất lượng không khí tác động từ khu bãi rác đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Chất lượng không khí tác động từ các bãi rác tốt, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại địa phương.

C. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC HỒ CHÔN LẤP HEO BỊ BỆNH DỊCH TẢ HEO CHÂU PHI

I. Chất lượng nước bị tác động từ các hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi

Chất lượng nước mặt bị tác động từ các hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi chưa đảm bảo tốt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Trong đó, các thông số COD, BOD_5 , Nitrit (NO_2^- tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Coliform và E. Coli có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại vị trí hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi tại huyện Phú Tân do ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt tác động vào nguồn nước mặt.

II. Chất lượng không khí bị tác động từ các hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi

Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ các hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Chất lượng không khí bị tác động từ các hồ chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi tốt, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe của người dân tại địa phương.

III. Chất lượng đất bị tác động từ các hố chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi

Chất lượng môi trường đất bị tác động từ các hố chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi theo TCVN 7373:2004: Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng nitơ tổng số trong đất Việt Nam có giá trị thấp nhất tại vị trí hố chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi tại huyện Tịnh Biên, theo TCVN 7374:2004: Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị về hàm lượng photpho tổng số trong đất Việt Nam có giá trị thấp nhất tại vị trí hố chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi tại huyện Phú Tân và theo TCVN 7376:2004: Chất lượng đất - Giá trị chỉ thị về hàm lượng cacbon hữu cơ tổng số trong đất Việt Nam có giá trị thấp nhất tại vị trí hố chôn lấp heo bị bệnh dịch tả heo Châu Phi tại huyện An Phú.

VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NĂM 2020

A-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC MẶT

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Sông Tiền		
1	MT1(N)-TC	Xã Vĩnh Xương, TX. Tân Châu	Đầu sông Tiền
2	MT2(N)-TC	Phường Long Châu, TX. Tân Châu	Đầu sông Cái Vừng và sông Tiền
3	MT3(N)-PT	TT. Chợ Vàm, huyện Phú Tân	Cuối sông Cái Vừng và sông Tiền
4	MT4(N)-PT	Xã Tân Trung, huyện Phú Tân	Ngã ba sông Vàm Nao và sông Tiền
5	MT5(N)-CM	Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới	Ngã ba sông Tiền
6	MT6(N)-CM	Xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới	Cuối cù lao Giêng
II	Sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc		
1	MH1(N)-AP	Ấp Tân Thạnh, TT. Long Bình, huyện An Phú	Thượng nguồn sông Hậu
2	MH2(N)-AP	Xã Nhơn Hội, huyện An Phú	Thượng nguồn sông Phú Hội
3	MH3(N)-AP	Xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú	Nơi tiếp giáp sông Châu Đốc với nhánh sông từ Campuchia
4	MH4(N)-CD	Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	Ngã ba sông Châu Đốc
5	MH5(N)-CP	Xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú	Đoạn giữa từ ngã sông Châu Đốc với ngã ba Vàm Nao
6	MH6(N)-CP	Xã Bình Thủy, huyện Châu Phú	Ngã ba sông Vàm Nao
7	MH8(N)-LX	Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên	Cuối sông Hậu giáp với Cần Thơ
III	Kênh, rạch nội đồng		
1	NĐ1(N)-CD	Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Đầu kênh Vĩnh Tế tiếp giáp với kênh Châu Đốc
2	NĐ2(N)-TB	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên	Đập Trà Sư tiếp giáp kênh Vĩnh Tế
3	NĐ3(N)-TB	TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên	Cầu sắt Hữu Nghị

4	NĐ4(N)-TT	Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn	Cuối kênh Vĩnh Tế tiếp giáp Kiên Giang
5	NĐ5(N)-CP	Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú	Đầu kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp với sông Hậu
6	NĐ6(N)-TB	Xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên	Nơi tiếp giáp giữa kênh Tha La với kênh Xáng Vĩnh Tre
7	NĐ7(N)-TT	Xã Cô Tô, huyện Tri Tôn	Cuối kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp kênh Huê Đức
8	NĐ8(N)-CT	Xã Càn Đăng, huyện Châu Thành	Đầu kênh Mắc Càn Dung tiếp giáp kênh Bốn Tổng
9	NĐ9(N)-CT	Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành	Điểm giữa kênh Mắc Càn Dung tiếp giáp kênh Xáng Cây Dương
10	NĐ10(N)-TT	TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn	Cầu Cây Me, đầu kênh Tám Ngàn
11	NĐ11(N)-TT	Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Điểm giữa kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với kênh Mới (T5)
12	NĐ12(N)-TT	Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Điểm cuối kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với Kiên Giang
13	NĐ13(N)-LX	Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên	Điểm đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với rạch Long Xuyên.
14	NĐ14(N)-CT	Xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành	Điểm giữa kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp kênh Bốn Tổng, kênh Chác Cà Dao, kênh Ông Cò
15	NĐ15(N)-TS	Xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn	Cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với Kiên Giang
16	NĐ18(N)-CM	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới	Đầu rạch Ông Chưởng
17	NĐ19(N)-CM	Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới	Giữa rạch Ông Chưởng, tiếp giáp với kênh Chà Và
18	NĐ20(N)-CM	Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới	Cuối rạch Ông Chưởng, tiếp giáp với sông Hậu
19	NĐ21(N)-TC	Thị xã Tân Châu	Kênh Bảy Xã
20	NĐ22(N)-TC	Thị xã Tân Châu	Kênh Xáng
21	NĐ23(N)-PT	Xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân	Rạch Mương Khai
22	NĐ24(N)-CM	Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới	Kênh Xáng Cà Màu giáp kênh Đồng Xút
23	NĐ25(N)-CM	Huyện Chợ Mới	Kênh Xáng A-B

IV	Hồ, Búng		
1	H1(N)-AP	Xã Khánh Bình, huyện An Phú	Đầu Búng Bình Thiên
2	H2(N)-AP	Xã Quốc Thái, huyện An Phú	Giữa Búng Bình Thiên
3	H3(N)-AP	Xã Quốc Thái, huyện An Phú	Cuối Búng Bình Thiên
4	H4(N)-TB	Xã An Cư, huyện Tịnh Biên	Gần bờ hồ Ô Tuk Sa
5	H7(N)-TB	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Hồ Thủy Liêm
6	H8(N)-TT	Xã Núi Tô, huyện Tri Tôn	Hồ Soài So
7	H9(N)-TT	Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn	Hồ Soài Chêk
8	H10(N)-TT	Xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn	Hồ Ô Thum
9	H11(N)-TT	Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn	Hồ Ô Tà Sóc

B-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC GIẾNG

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
1	NG1(N)-AP	Xã Quốc Thái, huyện An Phú	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên.
2	NG2(N)-TC	Xã Tân An, TX. Tân Châu	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50 đến 60m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên
3	NG4(N)-CM	TT. Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Giếng kín (bơm motor/bơm tay), tầng nông (khoảng 30m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên.
4	NG5(N)-LX	Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 25m), khu vực công nghiệp Mỹ Quý, được sử dụng thường xuyên.
5	NG6(N)-TS	TT. Phú Hòa, huyện Thoại Sơn	Giếng kín (bơm motor), tầng sâu (khoảng trên 250m), khu vực cụm công nghiệp Phú Hòa.
6	NG7(N)-TB	Xã An Hảo, huyện	Giếng khơi, không có nắp đậy

		Tịnh Biên	kín, tầng nông (khoảng 20m), khu vực ven núi, phục vụ tưới cây, giặt giũ, không sử dụng cho ăn uống.
7	NG9(N)-CM	Xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới	Giếng xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới.
8	NG10(N)-CM	Xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới	Giếng xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới.
9	NG11(N)-PT	Xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân	Giếng xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân.
10	NG12(N)-PT	Xã Tân Trung, huyện Phú Tân	Giếng xã Tân Trung, huyện Phú Tân.
11	NG13(N)-AP	Xã Phước Hưng, huyện An Phú	Giếng xã Phước Hưng, huyện An Phú.
12	NG14(N)-TT	Xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn	Giếng xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn.
13	NG15(N)-TT	Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn	Giếng xã Lê Trì, huyện Tri Tôn.

C-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN KHÔNG KHÍ

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Khu vực đô thị		
1	K1(N-ĐT)-LX	Phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên	Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp
2	K2(N-ĐT)-CĐ	Phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc	Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp
II	Khu vực nông thôn		
1	K3(N-NT)-CT	Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành	Khu vực nông thôn ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông và các hoạt động sản xuất kinh doanh

D-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG NƯỚC MẶT

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Tác động từ khu đô thị		
1	MT1(TĐ-ĐT)-TC	Phường Long Thạnh, TX. Tân Châu	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
2	MT2(TĐ-ĐT)-CM	TT. Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...

3	MT3(TĐ-ĐT)-CM	TT. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
4	MH3(TĐ-ĐT)-LX	Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
5	MH2(TĐ-ĐT)-CP	TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
6	NT5(TĐ-ĐT)-TS	TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn	Nước thải khu đô thị Núi Sập tác động lên kênh Cống Dong
7	NT6(TĐ-ĐT)-TT	TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn	Nước thải khu đô thị Tri Tôn tác động lên kênh Tri Tôn
8	NT7(TĐ-ĐT)-AP	Thị trấn An Phú, huyện An Phú	Nước thải khu đô thị An Phú tác động lên kênh Kênh Thầy Ban, ảnh hưởng trực tiếp lên sông Hậu
9	NT8(TĐ-ĐT)-CĐ	Thành phố Châu Đốc	Nơi bị tác động bởi nước thải từ trạm xử lý nước thải TP Châu Đốc
II Tác động từ khu - cụm công nghiệp			
1	MH1(TĐ-CN)-CP	KCN Bình Long, ấp Bình Chánh, xã Bình Long, huyện Châu Phú	Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải khu công nghiệp
2	MH2(TĐ-CN)-LX	Cụm công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải cụm công nghiệp
3	NT1(TĐ-CN)-CT	KCN Bình Hòa, ấp Phú Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành	Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải khu công nghiệp
III Tác động từ vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao			
1	NĐ1(TĐ-VN)-TC	Xã Phú Vĩnh, TX. Tân Châu	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh Thần Nông tiếp giáp kênh Vĩnh An
2	NĐ2(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Bình, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh Phú Bình – Hiệp Xương tiếp giáp với sông Hậu
3	NĐ3(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Xuân, huyện Phú Tân	Điểm giữa kênh Thần nông, tiếp giáp với K26
4	NĐ4(TĐ-VN)-PT	Xã Phú An, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh 26, tiếp giáp với sông Tiền
5	NĐ5(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ cuối kênh Thần Nông tiếp giáp rạch Cái Tắc
6	NĐ6(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Thành, huyện Phú Tân	Điểm giữa kênh Thần nông, tiếp giáp với K16

7	NĐ7(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân	Rạch Cái Tắc, gần UBND xã Phú Hưng
IV	Tác động từ khu nuôi thủy sản		
1	TS1(TĐ)-PT	Xã Long Hòa, huyện Phú Tân	Cuối nguồn xả thải của làng bè Long Hòa
2	TS2(TĐ)-CM	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới	Cuối xả thải của khu vực đăng quang và ao Kiến An
3	TS3(TĐ)-CĐ	Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Cuối nguồn xả thải của làng bè Vĩnh Ngươn
4	TS4(TĐ)-AP	Xã Đa Phước, huyện An Phú	Cuối nguồn xả thải của làng bè Đa Phước
5	TS5(TĐ)-CP	Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú	Tác động của nước thải từ nuôi các ao, hầm lên kênh Xáng Vĩnh Tre
6	TS6(TĐ)-CT	Xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm Bình Thạnh
7	TS7(TĐ)-LX	Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm và đăng quang Mỹ Hòa Hưng
8	TS8(TĐ)-LX	Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm và đăng quang Mỹ Hòa Hưng
9	TS10(TĐ)-TS	Xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng và cá ao, hầm
10	TS11(TĐ)-LX	Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên	Tác động từ nguồn xả thải khu vực cá ao, hầm
11	TS12(TĐ)-TS	Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng và cá ao, hầm
12	TS13(TĐ)-CT	Xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng
13	TS14(TĐ)-TS	Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn	Đầu kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Mới
14	TS15(TĐ)-TS	Xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn	Cuối kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Ông Cò
15	TS19(TĐ)-CM	Xã Mỹ An, huyện Chợ Mới	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi bè
16	TS20(TĐ)-TC	Xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi ao, hầm
17	TS21(TĐ)-CP	Xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú	Tác động từ nguồn xả thải vùng nuôi Lộc Kim Chi, nơi hợp lưu giữa kênh Hào Đề Lớn và kênh Xáng Vĩnh Tre

18	TS22(TĐ)-CP	Xã Bình Phú, huyện Châu Phú	Tác động từ nguồn xả thải vùng nuôi Nam Việt Bình Phú, nơi hợp lưu giữa kênh 13 và kênh Xáng Cây Dương
19	TS23(TĐ)-PT	Xã Phú Bình, huyện Phú Tân	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi cá tra xã Phú Bình
V	Tác động từ khu du lịch		
1	NT2(TĐ-DL)-TB	Khu du lịch Lâm viên núi Cấm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Nước thải khu du lịch Lâm viên núi Cấm, tác động
2	NT3b(TĐ-DL)-TB	Du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên	Ngay cống cấp nước vào khu rừng Tràm

E-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG KHÔNG KHÍ

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Tác động từ khu đô thị		
1	K1(TĐ-ĐT)-LX	Vòng Xoay đèn bốn ngọn, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh, giao thông, mật độ dân cư cao
2	K2(TĐ-ĐT)-CĐ	Khu vực chợ Châu Đốc, phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh buôn bán, giao thông, mật độ dân cư cao
3	K3(TĐ-ĐT)-LX	Vòng xoay trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và siêu thị điện máy Nguyễn Kim, TP. Long Xuyên	Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng bụi, tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao
4	K4(TĐ-ĐT)-TC	Đường Trần Phú giao đường Nguyễn Tri Phương, thị xã Tân Châu	Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao
5	K5(TĐ-ĐT)-LX	Nhà máy xi măng ACIFA, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại nhà máy xi măng ACIFA
II	Tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá		
1	K3(TĐ-CN)-LX	Cụm công nghiệp Mỹ Quý, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Tập trung nhiều nhà máy chế biến thủy sản
2	K2(TĐ-CN)-CT	Khu công nghiệp Bình Hòa huyện Châu Thành	Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực
3	K6(TĐ-CN)-CM	Lò gạch, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới	Tập trung nhiều lò gạch thủ công
4	K8(TĐ-CN)-TT	Khai thác đá Antraco, xã	Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi

		Lương Phi, huyện Tri Tôn	
5	K9(TĐ-CN)-TT	Khai thác đá Cô Tô, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn	Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi
6	K10(TĐ-CN)-CM	Khu làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
7	K11(TĐ-CN)-TS	Khu vực tiểu thủ công nghiệp xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
8	K12(TĐ-CN)-TT	Cụm công nghiệp Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
9	K13(TĐ-CN)-CM	Cụm công nghiệp Hoà An, huyện Chợ Mới	Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực
10	K14(TĐ-CN)-PT	Cụm công nghiệp Tân Trung, huyện Phú Tân	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
11	K15(TĐ-CN)-TC	Cụm công nghiệp Tân Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
III	Tác động từ giao thông		
1	K1(TĐ-GT)-LX	Phà An Hòa, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại phà An Hòa
2	K2(TĐ-GT)-LX	Phà Vàm Cống, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại phà Vàm Cống
3	K3(TĐ-GT)-LX	Bến xe Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại bến xe Phạm Cự Lượng
4	K4(TĐ-GT)-CĐ	Bến xe Châu Đốc, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	Tác động không khí tại bến xe Châu Đốc
5	K5(TĐ-GT)-LX	Đường Ung Văn Khiêm nối đường Lý Thái Tổ, TP.Long Xuyên	Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng bụi, tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao
IV	Tác động của khu du lịch		
1	K1(TĐ-DL)-CĐ	Du lịch núi Sam, phường Núi Sam, TP. Châu Đốc	Tác động không khí tại khu du lịch núi Sam, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
2	K2(TĐ-DL)-TB	Du lịch Lâm viên núi Cấm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Tác động không khí tại khu du lịch Lâm viên núi Cấm, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
3	K3(TĐ-DL)-TB	Du lịch sinh thái rừng tràm	Tác động không khí tại khu

		Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên	Rừng Tràm Trà Sư, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
4	K4(TĐ-DL)-CM	Tác động từ khu du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới	Tác động không khí du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.
5	K5(TĐ-DL)-CM	Tác động từ khu du lịch tại khu vực Tân Mỹ, huyện Chợ Mới	Tác động không khí du lịch tại khu vực Tân Mỹ, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.
6	K6(TĐ-DL)-TS	Tác động từ khu du lịch Hồ Ông Thoại, Thoại Sơn	Tác động không khí du lịch tại thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn
V	Tác động của khu bãi rác		
1	K8(TĐ-R)-CT	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên xã Bình Hòa, huyện Châu Thành	Tác động của không khí tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, ảnh hưởng mùi
2	K9(TĐ-R)-PT	Khu xử lý rác xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân	Tác động của không khí tại khu xử lý rác xã Phú Thạnh, ảnh hưởng mùi
3	K10(TĐ-R)-CĐ	Khu xử lý rác tại kênh 10, thành phố Châu Đốc	Tác động của không khí tại khu xử lý rác tại kênh 10, ảnh hưởng mùi
4	K11(TĐ-R)-TB	Bãi rác An Cư, xã An Cư, huyện Tịnh Biên	Tác động của không khí tại bãi rác An Cư, ảnh hưởng mùi
5	K12(TĐ-R)-TT	Bãi rác An Tức, xã An Tức, huyện Tri Tôn	Tác động của không khí tại bãi rác An Tức, ảnh hưởng mùi

F- VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC TÁC ĐỘNG TỪ HỒ CHÔN LẤP HEO BỊ BỆNH DỊCH TẢ HEO CHÂU PHI

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Huyện Thoại Sơn: Hộ Ông Nguyễn Phước Chung - Ấp Trung Phú V, xã Vĩnh Phú		
1	NT-TS	Ấp Trung Phú V, xã Vĩnh Phú	Tác động nước mặt kênh Núi Chóc Năng Gù từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 20m)
2	KT-TS	Ấp Trung Phú V, xã Vĩnh Phú	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo
3	ĐT-TS	Ấp Trung Phú V, xã Vĩnh Phú	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
II	Huyện An Phú: Hộ Ông Võ Văn Sỏi - Khu nghĩa địa ấp Khánh Hòa, xã Khánh An		
1	NT-AP	Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An	Tác động nước mặt sông Hậu từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
			200m)
2	GT-AP	Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (cách hố chôn 20m)
3	KT-AP	Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An	Tác động môi trường không khí từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 1m)
4	ĐT-AP	Ấp Khánh Hòa, xã Khánh An	Tác động môi trường đất từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 1m)
III	Huyện Châu Phú: Hộ Ông Nguyễn Ngọc Thanh Sơn - Tổ 15, ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung		
1	NT-CP	Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung	Tác động nước mặt sông Hậu từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 300m)
2	GT-CP	Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (cách hố chôn 35m)
3	KT-CP	Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung	Tác động môi trường không khí từ hố chôn lấp heo (tại khu vực hố chôn lấp)
4	ĐT-CP	Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung	Tác động môi trường đất từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 1m)
IV	Huyện Chợ Mới: Hộ Ông Đặng Văn Tùng - Ấp An Thị, xã An Thạnh Trung		
1	NT-CM	Ấp An Thị, xã An Thạnh Trung	Tác động nước mặt kênh nội đồng từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 30m)
2	GT-CM	Ấp An Thị, xã An Thạnh Trung	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (cách hố chôn 20m)
3	KT-CM	Ấp An Thị, xã An Thạnh Trung	Tác động môi trường không khí từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 20m)
4	ĐT-CM	Ấp An Thị, xã An Thạnh Trung	Tác động môi trường đất từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 1m)
V	Huyện Châu Thành: Hộ Ông Đinh Đức Phương - Ấp Phú An 1, xã Bình Hòa		
1	NT-CT	Ấp Phú An 1, xã Bình Hòa	Tác động nước mặt kênh Vàm Nha từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 130m)
2	KT-CT	Ấp Phú An 1, xã Bình Hòa	Tác động môi trường không khí từ hố chôn lấp heo (tại khu vực hố chôn lấp)
3	ĐT-CT	Ấp Phú An 1, xã Bình Hòa	Tác động môi trường đất từ hố chôn lấp heo (cách hố chôn 1m)

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
VI	Huyện Phú Tân: Khu vực hồ chôn sân vận động		
1	NT-PT	Ấp Mỹ Hóa 2, xã Tân Hòa	Tác động nước mặt kênh nội đồng từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 60m)
2	GT-PT	Ấp Mỹ Hóa 2, xã Tân Hòa	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (cách hồ chôn 100m)
3	KT-PT	Ấp Mỹ Hóa 2, xã Tân Hòa	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
4	ĐT-PT	Ấp Mỹ Hóa 2, xã Tân Hòa	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
VII	Huyện Tịnh Biên: Hộ Ông Nguyễn Minh Ngọc - Ấp Phú Hòa, xã An Phú		
1	NT-TB	Ấp Phú Hòa, xã An Phú	Tác động nước mặt kênh nội đồng từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1km)
2	GT-TB	Ấp Phú Hòa, xã An Phú	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (cách hồ chôn 500m)
3	KT-TB	Ấp Phú Hòa, xã An Phú	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo
4	ĐT-TB	Ấp Phú Hòa, xã An Phú	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
VIII	Huyện Tri Tôn: Hộ Bà Trịnh Thị Kim Thụy - Ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh		
1	NT-TT	Ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh	Tác động nước mặt kênh nội đồng từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 20m)
2	KT-TT	Ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo
3	ĐT-TT	Ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
IX	Thị xã Tân Châu: Hồ chôn lấp tập trung xã Vĩnh Xương		
1	NT-TC	Xã Vĩnh Xương	Tác động nước mặt sông Tiền từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 750m)
2	KT-TC	Xã Vĩnh Xương	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
3	ĐT-TC	Xã Vĩnh Xương	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)
X	Thành phố Long Xuyên: Hộ Ông Vương Gia Kiệt - Ấp Mỹ Long 1, xã Mỹ Hòa		

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
	Hưng		
1	NT-LX	Áp Mỹ Long 1, xã Mỹ Hòa Hưng	Tác động nước mặt kênh Trà Môn từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 155m)
2	GT-LX	Áp Mỹ Long 1, xã Mỹ Hòa Hưng	Tác động nước ngầm từ chôn lấp heo (tại hộ ông Vương Gia Kiệt)
3	KT-LX	Áp Mỹ Long 1, xã Mỹ Hòa Hưng	Tác động môi trường không khí từ hồ chôn lấp heo
4	ĐT-LX	Áp Mỹ Long 1, xã Mỹ Hòa Hưng	Tác động môi trường đất từ hồ chôn lấp heo (cách hồ chôn 1m)